

Số: 363 /QĐ-BVTTHN

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục mua sắm tại nhà thuốc bệnh viện năm 2025

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TÂM THẦN HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-BVTTHN ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện về việc ban hành Quy trình mua sắm, cung ứng thuốc tại nhà thuốc bệnh viện;

Căn cứ Thư mời báo giá số 396/TM-BVTTHN ngày 25/4/2025 của Giám đốc Bệnh viện Tâm thần Hà Nội;

Căn cứ biên bản họp tổ xét chọn thuốc tại nhà thuốc bệnh viện ngày 20/5/2025;

Căn cứ Tờ trình số 01/TTr-KD ngày 20/5/2025 của Trưởng khoa Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt danh mục mua sắm tại nhà thuốc bệnh viện năm 2025:

Danh sách các công ty, số lượng mặt hàng mua sắm:

STT	Tên Công ty	Số mặt hàng
1	Công ty cổ phần Dược phẩm Bến Tre	6
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Minh	1
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC 1 Hà Nội	1
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Danapha	3
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh	3
6	Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị Y tế Nhật Việt	1
7	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà	3
8	Công ty Cổ phần EQPharm	3
9	Công ty cổ phần NPT Pharma	1
10	Công ty THNN Dược phẩm Gigamed	9
11	Công ty TNHH Dược phẩm & trang thiết bị y tế Hoàng Đức	9
12	Công ty TNHH Dược phẩm Bách Việt	1

STT	Tên Công ty	Số mặt hàng
13	Công ty TNHH Dược phẩm Hiếu Anh	1
14	Công ty TNHH Dược phẩm QDU	1
15	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	2
16	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW 2	3
17	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1
18	Công ty TNHH Sunny Inter Pharma	1
	Tổng	50

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Loại hợp đồng: hợp đồng nguyên tắc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Khoa Dược, phòng Tài chính kế toán căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, khoa Dược, phòng Tài chính kế toán, các khoa phòng có liên quan, các công ty có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *phg*

- Như điều 3 (để thực hiện)
- Ban giám đốc (để chỉ đạo)
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC

[Signature]
Vũ Ngọc Ủy

DANH MỤC THUỐC

(Kèm theo Quyết định số 303/QĐ-BVTTN ngày 22/5/2025 của Giám đốc bệnh viện)

1. Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký/GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn giá (VNĐ)
1	CAVINTON	Vinpocetin	5mg	BD	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 25 viên	Viên	VN-20508-17	Gedeon Richter Plc - Hungary	3.400
2	CAVINTON FORTE	Vinpocetin	10mg	BD	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	VN-17951-14	Gedeon Richter Plc - Hungary	5.460
3	REAGILA 1.5 MG	Cariprazin (dưới dạng cariprazin hydroclorid)	1,5mg	BD	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	VN3-369-21	Gedeon Richter Plc - Hungary	60.000
4	REAGILA 3 MG	Cariprazin (dưới dạng cariprazin hydroclorid)	3mg	BD	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	VN3-370-21	Gedeon Richter Plc - Hungary	66.667
5	REAGILA 4.5MG	Cariprazin (dưới dạng cariprazin hydroclorid)	4,5mg	BD	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	VN3-371-21	Gedeon Richter Plc - Hungary	70.000
6	REAGILA 6MG	Cariprazin (dưới dạng cariprazin hydroclorid)	6mg	BD	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	VN3-372-21	Gedeon Richter Plc - Hungary	75.200
Tổng cộng: 6 khoản											
2. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN MINH											
1	Melopower	L-Ornithin L- Aspartat	300mg	4	Uống	Viên nang mềm	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Viên	893110211524 (VD-25848-16)	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex-Việt Nam	3.400
Tổng cộng: 1 khoản											
3. Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC 1 Hà Nội											

TH
B
T

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng kỳ/GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn giá (VNĐ)
1	Dokitam	Levetiracetam	100mg/1ml	4	Uống	Dung dịch uống	Hộp 1 lọ 100ml	Lọ	893110242523	Công ty cổ phần được phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	150.000
Tổng số: 1 khoản											

4. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

1	Nesulix	Amisulprid	200 mg	N2	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	VD-21204-14 (893110011400)	Công ty Cổ phần Dược Danapha, Việt Nam	5.800
2	Lepigin 100	Clozapin	100mg	N2	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	893110040323	Công ty Cổ phần Dược Danapha, Việt Nam	2.400
3	Lepigin 25	Clozapin	25 mg	N2	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	VD-22741-15	Công ty Cổ phần Dược Danapha, Việt Nam	1.890
Tổng: 3 khoản											

5. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH

1	Partamol Tab.	Paracetamol	500mg	1	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên;	Viên	VD-23978-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Việt Nam	480
2	Pracetam 800	Piracetam	800mg	1	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 15 viên	Viên	893110697724 (VD-18538-13)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Việt Nam	1.225
3	Scanneuron- Forte	Vitamin B1 + B6 + B12	250mg + 250mg + 1000mcg	2	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ, 4 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, Hộp 1 chai 100 viên	Viên	893100861924 (VD-22013-14)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Việt Nam	1.952
Tổng số: 3 khoản											

6. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT VIỆT

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng kỹ/GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn giá (VNĐ)
1	Clomedin Tablets	Clozapine	25mg	N1	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	VN-22889-21	Remedica Ltd., Cyprus	5.500
	Tổng số: 1 khoản										
7. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ											
1	Gamalate B6	Magnesium glutamate HBr + Acid gama amino butyric + Acid gama amino beta hydroxy butyric + Pyridoxin HCl	0,075g + 0,075g + 0,037g + 0,037g	1	Uống	Viên nén bao	Hộp 2 vỉ x 10 viên	viên	VN-15642-12	Ferrer Internacional S.A.Tây Ban Nha	9.450
2	Gamalate B6	Magnesium glutamate HBr + Acid gama amino butyric + Acid gama amino beta hydroxy butyric + Pyridoxin HCl	100mg + 100mg + 50mg + 50mg/5ml	1	Uống	Dung dịch uống	Hộp 1 lọ 80ml	Lọ	VN-15641-12	Ferrer Internacional S.A.Tây Ban Nha	178.000
3	Grandaxin	Tofisopam	50mg	1	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	599110407523 (VN-15893-12)	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company, Hungary	8.000
	Tổng số: 3 khoản										
8. Công ty Cổ phần EQ Pharm											

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký/GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn giá (VNĐ)
1	Goliot	Ginkgo biloba	80mg	1	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 12 vỉ x 10 viên	Viên	594210723224	S.C. Slavia Pharm S.R.L., Romania	6.800
2	Attom	Vitamin A; Vitamin D3; Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin B6; Vitamin B3; Vitamin B12; Lysin hydrochlorid; Calci; Sắt; Magnesi	1000IU + 270IU + 2mg + 2mg + 2mg + 8mg + 3mcg + 30mg + 20mg + 1,5mg + 1mg	4	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x10 viên	Viên	893100267000 (VD3-104-21)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây, Việt Nam	4.500
3	Cebrex	Gingko biloba	40 mg	BDG	Uống	viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 20 viên	Viên	VN-14051-11 (400200133600)	Dr Willmar Schawabe GmbH & Co. KG, Đức	4.200
Tổng số: 3 khoản											
9. CÔNG TY CỔ PHẦN NPT PHARMA											
1	Pramital	Citalopram (dưới dạng Citalopram hydrobromid)	20mg	1	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	520110016625 (VN-21205-18)	Anfarm Hellas S.A.; Hy Lạp	9.900
Tổng số: 01 khoản											
10. Công ty THNN Dược phẩm Gigamed											
1	Remeron 30	Mirtazapine	30mg	BDG	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	VN-22437-19	Organon Pharma (UK) Limited.-Anh	17.626

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký/GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn giá (VNĐ)
2	Invega Sustenna	Paliperidone (dưới dạng paliperidone palmitate)	150mg/1,5m l	BDG	Tiêm	Hỗn dịch tiêm giải phóng kéo dài	Hộp chứa 1 ống tiêm 1,5ml đóng sẵn thuốc + 2 kim tiêm an toàn	Hộp	VN2-530-16	Janssen Pharmaceutica N.V.-Bỉ	5.050.000
3	Invega Sustenna	Paliperidone (dưới dạng paliperidone palmitate)	100mg/1ml	BDG	Tiêm	Hỗn dịch tiêm giải phóng kéo dài	Hộp chứa 1 ống tiêm 1ml đóng sẵn thuốc + 2 kim tiêm an toàn	Hộp	VN2-529-16	Janssen Pharmaceutica N.V.-Bỉ	4.100.000
4	Invega Sustenna	Paliperidone (dưới dạng paliperidone palmitate)	75mg/0,75m l	BDG	Tiêm	Hỗn dịch tiêm giải phóng kéo dài	Hộp chứa 1 ống tiêm 0,75ml đóng sẵn thuốc + 2 kim tiêm an toàn	Hộp	540110087623	Janssen Pharmaceutica N.V.-Bỉ	3.299.999
5	Stresam	Etifoxin hydrochlorid	50mg	N1	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 20 viên	Viên	VN-21988-19	Biocodex-Pháp	3.300
6	Olmed 5mg	Olanzapine	5mg	N1	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	535110019123	Actavis Ltd.-Malta	3.239
7	Tanganil 500mg	Acetylleucine	500mg	N1	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	VN-22534-20	Pierre Fabre Medicament Production-Pháp	4.612
8	Fycompa 2mg	Perampanel	2mg	N1	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	500110086723	Eisai Manufacturing Limited-Anh	18.750
9	Fycompa 4mg	Perampanel	4mg	N1	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	500110086823	Eisai Manufacturing Limited-Anh	30.000



STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng kỳ/GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn giá (VNĐ)
11. Công ty TNHH Dược phẩm & Trang thiết bị y tế Hoàng Đức											
Tổng số: 09 khoản											
1	Arip tablet 10mg	Aripiprazole	10mg	2	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	890110003300 (VN-22478-19)	Torrent Pharmaceuticals Ltd-Ấn Độ	6.800
2	Arip tablet 15mg	Aripiprazole	15mg	2	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	VN-23051-22	Torrent Pharmaceuticals Ltd-Ấn Độ	11.000
3	Davyca	Pregabalin	75mg	2	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 14 viên. Hộp 6 vỉ x 14 viên	Viên	893110882624 (VD-28902-18)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vĩ Phú-Việt Nam	998
4	KEIKAI	Melatonin	3mg	4	Uống	Viên nang mềm	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	893110703724 (VD-28469-17)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vĩ Phú-Việt Nam	2.200
5	Depakine 200mg	Natri valproat	200mg	1	Uống	Viên nén kháng acid dạ dày	Hộp 1 lọ 40 viên	Viên	840114019124	Sanofi Aventis S.A- Tây Ban Nha	2.479
6	Depakine 200mg/ml	Natri valproate	200mg/ml	2	Uống	Dung dịch thuốc uống	Hộp 1 chai 40ml và 1 xylanh có vạch chia liều để lấy thuốc	Chai	868114087823	Cơ sở sản xuất và đóng gói: Sanofi Ilac Sanayi Ve Ticaret Anonim Sirketi; Cơ sở kiểm nghiệm và xuất xưởng: Sanofi Winthrop Industrie- Nước sản xuất và đóng gói: Thổ Nhĩ Kỳ; Nước kiểm nghiệm và xuất xưởng: Pháp	80.696
7	Depakine Chrono	Natri valproate; Acid valproic	333,00mg; 145,00mg	BDG	Uống	Viên nén bao phim phóng thích lâu dài	Hộp 1 lọ 30 viên	Viên	VN-16477-13	SANOFI WINTHROP INDUSTRIE-Pháp	6.972

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký/GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn giá (VNĐ)
8	Silygamma	Silymarin	150mg	1	Uống	Viên bao đường	Hộp 4 vỉ x 25 viên	Viên	VN-16542-13	Dragenopharm Apotheker Püschl GmbH-Đức	4.935
9	Seroquel XR	Quetiapin (dưới dạng Quetiapin fumarat)	300mg	BDG	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	VN-22284-19	Cơ sở sản xuất: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Limited.-Nước sản xuất: Hoa Kỳ; Nước đóng gói : Anh	33.320
Tổng số: 09 khoản											
12. Công ty TNHH Dược phẩm Bách Việt											
1	Neuractine 2mg	Eszopiclone	2mg	2	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	VD-24267-16	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Sa Vi- Việt Nam	6900
Tổng số: 01 khoản											
13. CÔNG TY TNHH Dược phẩm HIẾU ANH											
1	Tetpen	Piracetam	1200mg	1	Uống	bột pha uống	Hộp 20 gói, mỗi gói chứa 3g bột	Gói	380110182123	"Chemax Pharma" Ltd-Bulgaria	18.900
Tổng số: 01 khoản											
14. Công ty TNHH Dược phẩm QDU											
1	Remotiv 500	Cao khô cỏ thánh John (Hyperici herbae extractum siccum)	500mg	1	uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	VN3-334-21	Max Zeller Söhne AG - Switzerland	20.664
Tổng số: 01 khoản											
15. Công ty TNHH Dược phẩm VNP											
1	Cobergon	Citicolin (dưới dạng Citicolin sodium)	250mg	4	Uống	Viên nang mềm	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	VD-28515-17	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	12.500

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký/GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn giá (VNĐ)
2	Metiocolin	Citicolin (dưới dạng Citicolin natri)	100mg/10ml	4	Uống	Dung dịch uống	Hộp 4 vỉ x 5 ống 10ml	Ổng	VD-25553-16	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	12.000
Tổng số: 02 khoản											
16. Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW 2											
1	Tegretol CR 200	Carbamazepin e	200mg	N1	Uống	Viên nén bao phim giải phóng có kiểm soát	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	VN-18777-15	Novartis Farma S.p.A.-Ý	2.604
2	Trileptal	Oxcarbazepin e	60mg/ml	N1	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 100ml với 1 ống uống 1ml	Chai	VN-22666-20	Delpharm Huningue SAS- Pháp	219.996
3	Betaserc 24mg	Betahistine dihydrochlorid e	24mg	N1	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	300110779724	Mylan Laboratories S.A.S- Pháp	6.516
Tổng số: 03 khoản											
17. Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn											
1	Eslo-10	Escitalopram (dưới dạng escitalopram oxalat)	10mg	2	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	VN-19472-15	Hetero Labs Limited-Ấn Độ	5.500
Tổng số: 01 khoản											
18. Công ty TNHH Sunny Inter Pharma											
1	Yawin 30	Duloxetine (dưới dạng 168,5mg vỉ hạt bao tan trong ruột Duloxetine HCl)	30mg	Nhóm 4	uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	QLDB-656-18	Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine - Việt Nam	11.290

Tổng số: 01 khoản

Tổng cộng: 50 khoản